TÍCH HỢP CHUẨN MỰC KINH TẾ XANH TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM: THỰC TRẠNG PHÂN MẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

PGS-TS NGUYỄN HOÀNG ANH
Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
Faculty of International Law, University of Law, Vietnam National University, Hanoi
Email: anhnhkl@vnu.edu.vn
TS ĐỖ VIỆT CƯỜNG
Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
Faculty of International Law, University of Law, Vietnam National University, Hanoi
Email: cuongvietdo@vnu.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết tiếp cận kinh tế xanh như một yêu cầu tái cấu trúc pháp luật Việt Nam theo hướng phát thải thấp và phát triển bền vững. Trên cơ sở phân tích lý luận và so sánh kinh nghiệm quốc tế, bài viết chỉ ra tình trạng phân mảnh chuẩn mực giữa pháp luật môi trường và pháp luật kinh tế ở Việt Nam. Từ đó, tác giả đề xuất mô hình pháp luật kiến tạo phát triển nhằm tích hợp chuẩn mực phát thải thấp như một tiêu chí pháp lý trong cấu trúc pháp luật Việt Nam.

Từ khóa: *kinh tế xanh, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, pháp luật kiến tạo phát triển, tích hợp chuẩn mực*

Abstract

This article approaches the green economy as a requirement to restructure Vietnamese law toward a low-carbon and sustainable development pathway. Through doctrinal analysis and comparative examination of international experience, it identifies a condition of normative fragmentation between environmental law and economic law in Vietnam. On that basis, the article proposes a developmental legal architecture model to integrate low-carbon standards as a legal criterion within the structure of Vietnamese law.

Keywords: *green economy, sustainable development, environmental protection, developmental legal architecture, normative integration*

DOI: https://doi.org/10.70236/khplvn.830
Ngày nhận bài: 05/3/2026 **Ngày duyệt đăng: 17/8/2026**

Chuyển đổi xanh hướng tới xây dựng một nền kinh tế xanh phát triển bền vững đang trở thành một trụ cột trong định hướng phát triển của nhiều quốc gia, không chỉ dưới góc độ chính sách môi trường mà còn như một yêu cầu tái cấu trúc toàn diện trật tự kinh tế - pháp lý.[1] Tại Việt Nam, Báo cáo chính trị trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã xác định chuyển đổi xanh là một thành tố của quá trình hoàn thiện thể chế phát triển, được triển khai đồng bộ với chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng và tái cơ cấu nền kinh tế. Đồng thời, văn kiện này cũng thừa nhận hệ thống thể chế phát triển còn thiếu đồng bộ, trở thành "điểm nghẽn của điểm nghẽn".[2] Những nhận định này cho thấy chuyển đổi xanh không chỉ là yêu cầu về công nghệ hay thị trường, mà trước hết là vấn đề của kiến trúc thể chế.

⋆ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 505.01-2024.01.

1 Vũ Văn Phúc, "Chuyển đổi xanh: Từ nhận thức đến giải pháp thực hiện", *Tạp chí Cộng sản*, 2025, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/1156002/view_content, truy cập ngày 26/2/2026.

2 Báo Điện tử Chính phủ, "Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng", *Báo Điện tử xây dựng chính sách, pháp luật,* https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-11926020716082488.htm, truy cập ngày 26/02/2026.

Trong bối cảnh Việt Nam cam kết đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050,[3] thách thức đặt ra không dừng ở việc hoàn thiện các công cụ quản lý môi trường, mà còn là đánh giá mức độ tích hợp của mục tiêu phát thải thấp vào hệ thống pháp luật trong nước. Thực tiễn cho thấy pháp luật môi trường của Việt Nam đã từng bước hoàn thiện, song cấu trúc phân bổ nguồn lực của nền kinh tế vẫn chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi các lĩnh vực pháp luật như luật đầu tư, luật thuế, luật tài chính, luật đấu thầu, luật doanh nghiệp. Khi các đạo luật này chưa xác lập tiêu chí tương thích với khí hậu như một điều kiện pháp lý cho các quyết định kinh tế, mục tiêu chuyển đổi xanh khó có thể trở thành nguyên tắc của phát triển.

Chính vì vậy, vấn đề không nằm ở số lượng các quy định về môi trường, mà ở tính nhất quán chuẩn tắc[4] của hệ thống pháp luật Việt Nam. Với góc nhìn và cách tiếp cận đó, bài viết này xem xét pháp luật như một kiến trúc kiến tạo phát triển và lập luận rằng chuyển đổi xanh chỉ có thể bền vững khi giá trị môi trường được xác lập như một tiêu chí pháp lý chi phối các quyết định đầu tư, phân bổ ngân sách và vận hành thị trường. Để làm rõ luận đề này, bài viết phân tích cơ sở lý luận của pháp luật kiến tạo phát triển, so sánh kinh nghiệm quốc tế về tích hợp chuẩn mực kinh tế xanh, đánh giá những giới hạn cấu trúc của pháp luật Việt Nam và đề xuất một mô hình tái cấu trúc nhằm bảo đảm tính tích hợp và nhất quán chuẩn mực trong hệ thống pháp luật.

1. Lý luận về pháp luật kiến tạo phát triển và chuyển đổi xanh hướng tới nền kinh tế xanh

Khái niệm "nhà nước kiến tạo phát triển" (*developmental state*) được hình thành trong nghiên cứu về quá trình công nghiệp hóa ở Đông Á, đặc biệt qua phân tích của Chalmers Johnson về vai trò của Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế Nhật Bản trong tái cấu trúc nền kinh tế hậu chiến.[5] Đó là mô hình nhà nước chủ động thiết kế chiến lược, thể chế và chính sách công nghiệp nhằm thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh, thay vì chỉ quản lý hay can thiệp thô bạo vào thị trường. Sau đó, Peter Evans nhấn mạnh yếu tố "tự chủ gắn kết" (*embedded autonomy*) – tức là khả năng nhà nước vừa duy trì tính độc lập chiến lược vừa gắn bó chặt chẽ với khu vực tư nhân để định hướng phát triển.[6] Tuy nhiên, điểm cốt lõi của mô hình kiến tạo không chỉ nằm ở năng lực hoạch định chính sách, mà còn ở khả năng thiết lập một kiến trúc pháp lý đủ ổn định để định hình quỹ đạo thị trường trong dài hạn.

Trong mô hình quản trị quốc gia truyền thống, pháp luật chủ yếu vận hành theo logic mệnh lệnh – kiểm soát. Theo đó, nhà nước sử dụng các quy phạm pháp luật, bao gồm nghĩa vụ (bắt buộc làm), cấm đoán (không được làm) và chế tài (biện pháp cưỡng chế), để điều chỉnh hành vi xã hội. Max Weber mô tả hình thức pháp lý này như một biểu hiện của tính hợp lý hình thức, trong đó nhà nước bảo đảm trật tự thông qua một hệ thống quy tắc khép kín.[7] Tuy nhiên, khi nền kinh tế trở nên phức tạp và phụ thuộc lẫn nhau, pháp luật không chỉ duy trì trật tự mà còn phải thiết kế trật tự. Giandomenico Majone gọi đây là sự trỗi dậy của "nhà nước điều tiết" (*regulatory state*),

3 Government of Viet Nam, "*Statement by H.E. Mr. Pham Minh Chinh, Prime Minister of the Socialist Republic of Viet Nam at COP26 High-Level Segment",* UNFCCC 2021, https://unfccc.int/sites/default/files/resource/VIET_NAM_cop26cmp16cma3_HLS_EN.pdf, truy cập 26/02/2026.

4 Trong bài viết, "tính nhất quán chuẩn tắc" *(normative coherence)* được hiểu là sự phù hợp và củng cố lẫn nhau giữa chính sách/pháp luật với các giá trị, nguyên tắc và mục tiêu chuẩn tắc được lấy làm định hướng.

5 Chalmers Johnson, *MITI and the Japanese Mirade: The Growth of Industrial Policy, 1925-1975,* Stanford University Press, Stanford, 1982.

6 Peter Evans, *Embedded autonomy: States and industrial transformation,* Princeton University Press, Princeton, 1995, https://www.jstor.org/stable/j.ctt7t0sr

7 Max Weber, *Economy and Society*, University of California Press, Berkeley, 1978, https://mega.nz/file/xlgzhb6R#Q4eVuIoaK96JVmQUD-VW8EYfGGBzniGofVSl667RFOhY

trong đó pháp luật sử dụng các cơ chế khuyến khích, tiêu chuẩn kỹ thuật và nghĩa vụ minh bạch để định hình hành vi thị trường ngay từ giai đoạn thiết kế thể chế.[8] Ở cấp độ này, pháp luật không đơn thuần phản ứng trước rủi ro mà còn chủ động tạo lập điều kiện cho sự phát triển.

Chuyển đổi xanh làm nổi bật yêu cầu kiến tạo đó. Khác với cải cách môi trường truyền thống vốn tập trung vào kiểm soát ô nhiễm, chuyển đổi xanh đòi hỏi tái phân bổ nguồn lực kinh tế theo tiêu chí phát thải thấp, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, sử dụng nguồn năng lượng sạch và có thể tái tạo, vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh thân thiện với môi trường và sức khỏe con người. Nicholas Stern đã chỉ ra rằng biến đổi khí hậu là thất bại thị trường lớn nhất trong lịch sử nhân loại vì chi phí môi trường không được phản ánh đầy đủ trong các quyết định kinh tế.[9] Do đó, nếu pháp luật không can thiệp để điều chỉnh cấu trúc khuyến khích phát triển xanh, thị trường sẽ tiếp tục tái sản xuất mô hình phát thải carbon cao. Vấn đề, vì vậy, không chỉ là siết chặt tiêu chuẩn môi trường, mà còn là nội hóa chi phí môi trường vào hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư, tài chính và vận hành thị trường.

Ở bình diện hiến định, học thuyết "hiến pháp xanh" (*green constitutionalism*) cho rằng bảo vệ môi trường ngày càng được ghi nhận như một giá trị nền tảng chi phối toàn bộ trật tự pháp lý.[10] Đây được xem là cách tiếp cận mang tính cách mạng trong luật hiến pháp, tích hợp phát triển bền vững, công lý khí hậu và nền kinh tế giảm tăng trưởng trở thành cốt lõi của hệ thống pháp luật. Điều này không chỉ mở rộng quyền môi trường, mà còn tạo cơ sở để diễn giải lại các ngành luật khác dưới ánh sáng của mục tiêu phát triển bền vững. Tương tự, nguyên tắc "tích hợp môi trường" của Liên minh châu Âu (*European Union,* EU) quy định tại Điều 11 Hiệp ước về Hoạt động của EU yêu cầu các mục tiêu bảo vệ môi trường phải được lồng ghép vào mọi chính sách và hoạt động của Liên minh.[11] Cách tiếp cận này thể hiện sự chuyển dịch từ điều chỉnh chuyên ngành sang điều phối xuyên ngành, trong đó môi trường trở thành chuẩn mực tổ chức hệ thống.

Từ góc độ lý luận hệ thống, hiệu quả của phát triển bền vững phụ thuộc vào mức độ nhất quán giữa các ngành luật. Harlan Koff và cộng sự nhấn mạnh rằng khi các quy phạm pháp luật theo đuổi các hệ giá trị khác nhau mà thiếu cơ chế điều phối, hệ thống sẽ rơi vào tình trạng thiếu gắn kết chuẩn mực (*normative incoherence*), làm suy giảm hiệu lực của chính sách.[12] Sự thiếu nhất quán này đặc biệt rõ ràng trong lĩnh vực khí hậu, nơi luật môi trường thúc đẩy giảm phát thải nhưng luật đầu tư hay luật tài khóa vẫn ưu tiên mở rộng các ngành công nghiệp phát thải cao. Trong trường hợp đó, pháp luật tự tạo ra mâu thuẫn nội tại, khiến mục tiêu phát triển xanh khó được hiện thực hóa.

Như vậy, chuyển đổi xanh hướng tới kiến tạo nền kinh tế xanh đòi hỏi nội hóa chi phí môi trường, tái cấu trúc đầu tư và tài chính, tiêu dùng và mua sắm theo tiêu chí phát thải thấp, thúc đẩy đổi mới công nghệ và bảo đảm công bằng chuyển đổi. Tích hợp các chuẩn mực này trong pháp luật là quá trình nội tại hóa chúng vào cấu trúc pháp

8 Giandomenico Majone, "The rise of the regulatory state in Europe", *West European Politics*, Vol. 17(03), 1994, tr. 77-101, https://doi.org/10.1080/01402389408425031

9 Nicholas Stern, *The economics of climate change*, Cambridge University Press, Cambridge, 2007, https://doi.org/10.1017/CBO9780511817434

10 Louis J. Kotzé, Duncan French, "The anthropocentric ontology of international environmental law and the sustainable development goals: Towards an ecocentric rule of law in the anthropocene", *Global Journal of Comparative Law*, Vol. 7(01), 2018, tr. 5-36, https://doi.org/10.1163/2211906X-00701002 and exposes the deficiencies of, our ailing regulatory institutions, including that of international environmental law (iel

11 Art. 11 of the Consolidated Version of the Treaty on the Functioning of the European Union.

12 Harlan Koff et al., "How green are our laws? Presenting a normative coherence for sustainable development methodology," *Environmental Policy and Governance*, Vol. 01(33), 2023, tr. 90-109, https://doi.org/10.1002/eet.1998

luật kinh tế theo hướng xuyên ngành và nhất quán chuẩn tắc. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy ba mô hình huy động pháp luật cho chuyển đổi xanh. *Thứ nhất*, mô hình pháp điển hóa mạnh mẽ, tiêu biểu ở EU, nơi mục tiêu trung hòa carbon được chuyển hóa thành nghĩa vụ pháp lý ràng buộc thông qua Đạo luật Khí hậu châu Âu[13] và được cụ thể hóa bằng Hệ thống phân loại đầu tư bền vững (*EU Taxonomy*).[14] *Thứ hai*, mô hình kết hợp luật khung với điều phối tài khóa, như tại Hàn Quốc, trong đó Luật Trung hòa carbon và tăng trưởng xanh năm 2021 tạo cơ sở pháp lý cho việc ưu tiên phân bổ ngân sách và mua sắm công xanh.[15] *Thứ ba*, mô hình kế hoạch hóa mạnh mẽ của Trung Quốc, tích hợp mục tiêu sinh thái vào chiến lược phát triển dài hạn nhưng phụ thuộc nhiều vào cơ chế hành chính nội bộ.[16] Dù khác biệt về thiết kế thể chế, các mô hình này đều thừa nhận một nguyên tắc chung: môi trường phải trở thành tiêu chí pháp lý trong cấu trúc điều phối kinh tế.

Từ những phân tích trên, có thể rút ra hai hàm ý lý luận quan trọng. *Thứ nhất*, pháp luật kiến tạo trong chuyển đổi xanh không chỉ là sự gia tăng số lượng quy định về bảo vệ môi trường, mà còn là tái cấu trúc quan hệ giữa các lĩnh vực pháp luật theo hướng tích hợp các chuẩn mực phát thải thấp. *Thứ hai*, tính bền vững của chuyển đổi xanh phụ thuộc vào khả năng biến đổi giá trị môi trường thành các tiêu chí pháp lý chi phối các quyết định đầu tư, tài khóa và vận hành thị trường. Khi đó, pháp luật không còn là công cụ hậu kiểm, mà trở thành kiến trúc điều phối phát triển dài hạn và bền vững.

2. Kinh nghiệm quốc tế liên quan đến cấu trúc pháp luật về kinh tế xanh

Chuyển đổi xanh trên thế giới đang đạt được những tín hiệu tích cực, khả quan bởi quá trình tái cấu trúc quan hệ giữa pháp luật, thị trường và quyền lực công. Vấn đề cốt lõi nằm ở cách thức các hệ thống pháp luật tích hợp mục tiêu phát thải thấp vào trung tâm của trật tự kinh tế. Phân tích cho thấy ít nhất hai mô hình tiêu biểu có giá trị tham khảo cho Việt Nam: (i) mô hình pháp điển hóa xuyên ngành của EU và (ii) mô hình điều phối pháp luật - tài khóa của Hàn Quốc.

Việc lựa chọn hai trường hợp nghiên cứu trên không nhằm mục đích so sánh toàn diện, mà nhằm làm rõ các mô hình tích hợp chuẩn mực khác nhau của pháp luật trong việc thúc đẩy chuyển đổi xanh. EU được lựa chọn như một điển hình của mô hình pháp điển hóa và tích hợp chuẩn mực ở cấp độ cao, trong đó mục tiêu khí hậu được xác lập như một nghĩa vụ pháp lý xuyên ngành. Trong khi đó, Hàn Quốc đại diện cho mô hình nhà nước kiến tạo, nơi pháp luật được vận hành kết hợp với các công cụ tài khóa và thị trường để định hướng chuyển đổi. Hai trường hợp này phản ánh hai cách tiếp cận khác nhau nhưng bổ sung cho nhau, qua đó cung cấp cơ sở so sánh để đánh giá mức độ tích hợp chuẩn mực trong pháp luật Việt Nam.

2.1. Liên minh châu Âu: Pháp điển hóa mục tiêu khí hậu trở thành nghĩa vụ pháp lý

Đặc trưng nổi bật của EU không chỉ nằm ở mức độ tham vọng khí hậu, mà còn ở kỹ thuật chuyển hóa tham vọng đó thành nghĩa vụ pháp lý có hiệu lực xuyên ngành. Quy định (EU) 2021/1119, thông qua Đạo luật Khí hậu châu Âu, đã pháp điển hóa

13 Regulation (EU) 2021/1119 of the European Parliament and of the Council of 30 June 2021 establishing the framework for achieving climate neutrality and amending Regulations (EC) No 401.2009 and (EU) 2018/1999 ('European Climate Law').

14 Regulation (EU) 2020/852 of the European Parliament and of the Council of 18 June 2020 on the establishment of a framework to facilitate sustainable investment, and amending Regulation (EU) 2019/2088.

15 Carbon Neutrality and Green Growth Act for the Climate Change (Republic of Korea, 2021).

16 Nguyễn Hồng Hiển, "Những điểm mới trong chính sách, chiến lược phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Trung Quốc trong Quy hoạch 5 năm lần thứ 15 và hàm ý đối với Việt Nam", *Tạp chí Cộng sản*, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/1196902/nhung-diem-moi-trong-chinh-sach%2C-chien-luoc-phat-trien-khoa-hoc---cong-nghe%2C-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-cua-trung-quoc-trong-quy-hoach-5-nam-lan-thu-15-va-ham-y-doi-voi-viet-nam.aspx, truy cập 26/02/2026.

mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050, đưa mục tiêu này trở thành nghĩa vụ pháp lý ràng buộc đối với các thiết chế trong Liên minh và các quốc gia thành viên. Điều quan trọng không chỉ ở bản thân mục tiêu chính sách, mà còn ở cách nó được đặt vào cấu trúc kiến tạo và điều phối pháp luật. Theo đó, mọi chính sách và biện pháp lập pháp của EU phải phù hợp với quỹ đạo giảm phát thải đã được xác lập.

Về mặt cấu trúc, đây là sự chuyển dịch từ mục tiêu chính sách sang nghĩa vụ điều phối mang tính pháp lý. Khi mục tiêu khí hậu được luật hóa ở cấp độ siêu quốc gia, nó trở thành tiêu chí đánh giá tính hợp pháp của hành vi công quyền. Các quyết định lập pháp, hành pháp và phê duyệt ngân sách của EU đều cần được xem xét dưới góc độ tương thích với lộ trình trung hòa carbon. Nói cách khác, mục tiêu khí hậu được nâng lên vị trí chuẩn mực trong việc điều phối hệ thống, chứ không chỉ là định hướng của riêng lĩnh vực môi trường.[17]

Cấu trúc thứ hai của mô hình kinh tế xanh EU thể hiện ở Hệ thống phân loại đầu tư bền vững *(EU Taxonomy)* với việc ban hành Quy định (EU) 2020/852. Nếu Đạo luật Khí hậu châu Âu xác lập nghĩa vụ ở tầng mục tiêu, thì Hệ thống phân loại đầu tư bền vững can thiệp vào tầng cấu trúc thị trường của EU. Bản chất của công cụ này không đơn thuần chỉ là khuyến khích đầu tư xanh, mà quan trọng hơn nó đã xác lập quyền lực đưa ra định nghĩa pháp lý xác định thế nào là "hoạt động kinh tế bền vững" dựa trên hai tiêu chí trung tâm là "đóng góp đáng kể" và "không gây tổn hại đáng kể".[18] Trong nền kinh tế thị trường, quyền định nghĩa thường thuộc về chủ thể tư nhân hoặc theo các tiêu chuẩn tự nguyện. EU đã chuyển quyền đó vào không gian pháp lý bắt buộc, qua đó định hình dòng vốn đầu tư. Khi các tổ chức tài chính và doanh nghiệp buộc phải công bố mức độ tương thích với *EU Taxonomy*, các vấn đề môi trường trở thành một biến số pháp lý trong quyết định phân bổ nguồn vốn.[19] Cấu trúc này cho thấy pháp luật không chỉ điều chỉnh hành vi sau khi xảy ra, mà còn thiết kế trước cấu trúc khuyến khích của thị trường.

Tầng thứ ba trong kiến trúc pháp luật về kinh tế xanh của EU là cơ chế trách nhiệm và minh bạch. Chỉ thị 2022/2464 - Chỉ thị Báo cáo phát triển bền vững doanh nghiệp (*Corporate Sustainability Reporting Directive*, CSRD) - mở rộng nghĩa vụ công bố thông tin, buộc doanh nghiệp lớn phải báo cáo chi tiết về rủi ro khí hậu và chiến lược giảm phát thải.[20] Nghĩa vụ minh bạch không đơn thuần là yêu cầu cung cấp thông tin, mà là cơ chế chuyển hóa các chuẩn mực môi trường thành nghĩa vụ quản trị doanh nghiệp.[21] Đồng thời, thực tiễn tư pháp tại một số quốc gia thành viên - tiêu biểu là vụ kiện *Urgenda Foundation v. State of the Netherlands*[22] tại Hà Lan - cho thấy mục tiêu khí hậu có thể được viện dẫn như căn cứ buộc nhà nước điều chỉnh chính sách.[23]

17 Marjan Peeters, Natassa Athanasiadou, "The continued effort sharing approach in EU climate law: Binding targets, challenging enforcement?," *Review of European, Comparative & International Environmental Law,* Vol. 29(02), 2020, tr. 201–11, https://doi.org/10.1111/reel.12356

18 Franziska Schütze, Jan Stede, "The EU sustainable finance taxonomy and its contribution to climate neutrality", *Journal of Sustainable Finance & Investment,* Vol. 14(01), 2024, tr. 128-60, https://doi.org/10.1080/20430795.2021.2006129

19 Tonnarello, F., Vermiglio, C., Migliardo, C. and Naciti, V., "The impact of EU taxonomy for sustainable activities on European utilities' performance", *Business Strategy and the Environment,* Vol. 34(03), 2025, tr. 2848-62, https://doi.org/10.1002/bse.4128

20 Directive (EU) 2022/2464 of the European Parliament and of the Council of 14 December 2022 amending Regulation (EU) No 537/2014, Directive 2004/109/EC, Directive 2006/43/EC and Directive 2013/34/EU, as regards corporate sustainability reporting.

21 Andreja Primec and Jernej Belak, "Sustainable CSR: Legal and managerial demands of the new EU legislation (CSRD) for the future corporate governance practices", *Sustainability*, Vol. 14(24), 2022, https://doi.org/10.3390/su14241664

22 Quy trình tố tụng và hồ sơ vụ kiện *Urgenda Foundation v. State of the Netherlands*, xem tại: Climate Change Litigation Databases, "Urgenda Foundation v. State of the Netherlands", *Sabin Center for Climate Change Law*, https://www.climatecasechart.com/document/urgenda-foundation-v-state-of-the-netherlands_3297

23 Jonathan Verschuuren, "The State of the Netherlands v Urgenda Foundation: The Hague Court of Appeal upholds judgment requiring the Netherlands to further reduce its greenhouse gas emissions," *Review of European, Comparative & International Environmental Law,* Vol. 28(01), 2019, tr. 94-98, https://doi.org/10.1111/reel.12280

Như vậy, mô hình pháp luật kiến tạo kinh tế xanh của EU có thể được mô tả qua ba trụ cột cấu trúc: (i) pháp điển hóa mục tiêu khí hậu thành nghĩa vụ xuyên ngành; (ii) chuẩn hóa thị trường thông qua quyền lực định nghĩa; và (iii) thiết lập cơ chế trách nhiệm dựa trên minh bạch và kiểm soát tư pháp. Điểm cốt lõi không nằm ở công cụ cụ thể, mà ở việc các quy định về bảo vệ môi trường được đặt vào trung tâm của trật tự pháp lý kinh tế.

2.2. Hàn Quốc: Tích hợp pháp luật và điều phối tài khóa

Khác với EU nơi pháp điển hóa đóng vai trò trung tâm, Hàn Quốc thể hiện một cấu trúc kiến tạo dựa trên sự kết hợp giữa luật khung và năng lực điều phối tài khóa. Đạo luật khung về carbon thấp và tăng trưởng xanh năm 2010 và sau đó là Luật Trung hòa carbon và tăng trưởng xanh năm 2021 đã xác lập mục tiêu trung hòa carbon và thiết lập Ủy ban Trung hòa carbon quốc gia với chức năng điều phối liên ngành.

Về mặt cấu trúc, luật khung của Hàn Quốc không quy định chi tiết kỹ thuật môi trường, mà tạo nền tảng pháp lý cho việc gắn mục tiêu phát thải thấp với kế hoạch phát triển và phân bổ ngân sách. Khi mục tiêu trung hòa carbon được luật hóa, việc phân bổ tài khóa cho các ngành năng lượng, giao thông và công nghiệp phải được xem xét trong mối quan hệ với quỹ đạo giảm phát thải. Pháp luật ở đây không chỉ định hướng hành vi tư nhân, mà ràng buộc chính quyết định chi tiêu công của nhà nước.[24]

Một đặc điểm quan trọng khác là việc Hàn Quốc sử dụng mua sắm công xanh như công cụ cấu trúc thị trường. Đạo luật Thúc đẩy mua sắm công xanh năm 2020[25] yêu cầu cơ quan nhà nước ưu tiên sản phẩm được chứng nhận thân thiện với môi trường, qua đó tạo "cầu xanh" và kéo thị trường theo hướng bền vững, thay vì chỉ kêu gọi doanh nghiệp tự nguyện. Quyền lực mua sắm của nhà nước – vốn chiếm tỷ trọng đáng kể trong nền kinh tế – được chuyển hóa thành một đòn bẩy thị trường.[26] Cấu trúc này cho thấy pháp luật kiến tạo phát triển có thể vận hành thông qua việc điều phối cầu, chứ không chỉ qua kiểm soát cung.

So với EU, mô hình Hàn Quốc ít dựa vào cơ chế tư pháp và minh bạch thị trường vốn, nhưng mạnh ở sự gắn kết giữa luật khung và kế hoạch tài khóa trung hạn. Điều này phản ánh đặc trưng của nhà nước kiến tạo Đông Á, đó là năng lực điều phối chiến lược được đặt trong khuôn khổ pháp lý tương đối rõ ràng. Tuy nhiên, mô hình này cũng phụ thuộc nhiều vào hiệu quả quản trị hành chính và khả năng duy trì cam kết chính trị dài hạn của Hàn Quốc. So sánh hai mô hình cho thấy sự khác biệt không nằm ở mục tiêu, mà ở cách thức cấu trúc pháp luật vận hành. EU nhấn mạnh pháp điển hóa và chuẩn hóa thị trường tài chính; trong khi đó, Hàn Quốc nhấn mạnh điều phối tài khóa và mua sắm công. Tuy nhiên, cả hai mô hình này đều có một điểm chung mang tính cấu trúc khi tiếp cận vấn đề bảo vệ môi trường không còn là một lĩnh vực ngoại vi, mà xem nó là nguyên tắc điều phối các quyết định kinh tế.

Từ góc độ lý luận, có thể rút ra ba nhận định. Thứ nhất, chuyển đổi xanh chỉ có thể bền vững khi mục tiêu khí hậu được nâng lên thành nghĩa vụ pháp lý có hiệu lực xuyên ngành. Thứ hai, pháp luật kiến tạo phải can thiệp vào cấu trúc phân bổ nguồn lực thông qua việc định nghĩa thị trường, điều phối ngân sách hoặc cả hai. Thứ ba, cơ

24 Jae-Hyup Lee, Jisuk Woo, "Green New Deal policy of South Korea: Policy innovation for a sustainability transition", *Sustainability,* Vol. 12(23):10191, 2020 https://doi.org/10.3390/su122310191

25 Act on Promotion of Purchase of Green Products, Act No. 16894.

26 George Lăzăroiu et al., "Environmentally Responsible Behavior and Sustainability Policy Adoption in Green Public Procurement", *Sustainability,* Vol. 12(05), 2020, https://doi.org/10.3390/su12052110

chế trách nhiệm và minh bạch là điều kiện bảo đảm tính bền vững của thể chế trong toàn bộ hệ thống.

Kinh nghiệm quốc tế không cung cấp một khuôn mẫu duy nhất, nhưng cho thấy rõ rằng cải cách môi trường chuyên ngành là chưa đủ. Chuyển đổi xanh đòi hỏi tái cấu trúc trật tự pháp lý theo hướng tích hợp các chuẩn mực phát thải thấp vào trung tâm của pháp luật kinh tế. Chính cách tiếp cận này tạo cơ sở lý luận để đánh giá và đề xuất cải cách pháp luật tại Việt Nam trong phần tiếp theo.

3. Thực trạng pháp luật Việt Nam nhìn từ xung đột cấu trúc và giới hạn của tính kiến tạo

Từ những luận điểm lý luận và kinh nghiệm so sánh nêu trên, có thể thấy chuyển đổi xanh chỉ thực sự bền vững khi được thể chế hóa ở cấp độ cấu trúc của hệ thống pháp luật. Vấn đề đặt ra đối với Việt Nam không phải là thiếu định hướng chiến lược hay công cụ quản lý môi trường, mà là mức độ tích hợp mục tiêu phát thải thấp vào các lĩnh vực pháp luật điều chỉnh và phân bổ nguồn lực. Do đó, việc đánh giá thực trạng pháp luật cần được đặt trong khung phân tích về xung đột cấu trúc và giới hạn của tính kiến tạo trong trật tự pháp lý hiện hành.

3.1. Quyền hiến định về môi trường và khoảng trống điều phối xuyên ngành

Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam lần đầu tiên ghi nhận tại Điều 43 rằng: "Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường". Quy định này đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc hiến định hóa quyền môi trường. Tuy nhiên, xét từ góc độ cấu trúc pháp lý, quyền này chưa được thiết kế như một nguyên tắc điều phối xuyên ngành đối với hoạt động kinh tế.

Thứ nhất, Điều 43 mang tính tuyên ngôn về quyền, nhưng thiếu cơ chế cụ thể hóa các nghĩa vụ tương ứng trong các đạo luật điều chỉnh sự phân bổ nguồn lực. Hiến pháp không xác lập một nguyên tắc tương đương với nguyên tắc tích hợp môi trường tại Điều 11 Hiệp ước về Hoạt động của EU, vốn yêu cầu lồng ghép mục tiêu bảo vệ môi trường vào mọi chính sách của EU. Do đó, quyền môi trường ở Việt Nam chủ yếu được triển khai thông qua luật chuyên ngành, thay vì trở thành tiêu chí đánh giá tính hợp hiến của các quyết định kinh tế.

Thứ hai, cơ chế bảo hiến tại Việt Nam chưa phát triển theo hướng cho phép cá nhân hoặc tổ chức viện dẫn trực tiếp Điều 43 để yêu cầu xem xét tính hợp hiến của chính sách phát thải cao.[27] Trong điều kiện thiếu cơ chế tài phán hiến pháp độc lập, quyền môi trường khó trở thành công cụ điều phối một cách thực chất. Hệ quả là, giá trị hiến định về môi trường tồn tại song song với các chính sách phát triển công nghiệp carbon cao, nhưng chưa có cơ chế pháp lý cân bằng.

Từ góc độ lý luận pháp luật kiến tạo, đây là biểu hiện của việc thiếu nguyên tắc điều phối nền tảng. Khi quyền môi trường không được chuyển hóa thành chuẩn mực định hướng cho toàn hệ thống, tính kiến tạo của pháp luật bị giới hạn ngay từ tầng hiến định.

3.2. Luật Đầu tư năm 2025 và sự thiếu vắng của tiêu chí tương thích khí hậu

Luật Đầu tư năm 2025 khẳng định tại Điều 5 nguyên tắc bảo đảm quyền tự do đầu tư kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Cấu trúc điều chỉnh của luật xoay quanh hai trục chính: danh mục ngành, nghề cấm đầu tư (Điều 6) và ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (Điều 7). Tuy nhiên, trong toàn bộ

27 Lý Thành Nhân, Nguyễn Phương Đông, "Thực thi quyền con người được sống trong môi trường trong lành theo pháp luật bảo vệ môi trường", *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 01(185), 2025, tr. 35–44, https://doi.org/10.70236/tckhplvn.200

thiết kế này, không có quy định nào đặt ra yêu cầu dự án đầu tư phải tương thích với lộ trình giảm phát thải hoặc mục tiêu trung hòa carbon quốc gia.

Mặc dù Luật Đầu tư năm 2025 đã bổ sung một số nội dung theo hướng thúc đẩy chuyển đổi xanh - như cơ chế hỗ trợ đầu tư chuyển đổi xanh, giảm phát thải, thích ứng biến đổi khí hậu, hay định hướng dòng vốn vào công nghệ chiến lược và đổi mới sáng tạo (điểm h khoản 3 Điều 14) - các quy định này chủ yếu mang tính khuyến khích về mặt chính sách. Chúng chưa được thiết kế theo các tiêu chí cấu thành tính hợp pháp của quyết định đầu tư. Nói cách khác, chuẩn mực kinh tế xanh mới dừng lại ở mức ưu tiên, chưa trở thành điều kiện pháp lý tiền đề cho sự phát triển.

Các Điều 30-32 quy định thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dựa trên quy mô vốn, lĩnh vực và địa bàn thực hiện dự án. Yêu cầu môi trường chủ yếu được dẫn chiếu sang Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thông qua cơ chế đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Về kỹ thuật lập pháp, môi trường được xem như một điều kiện tuân thủ thủ tục, không phải là tiêu chí định hình tính hợp pháp của quyết định đầu tư. Khoảng trống cấu trúc ở đây là rõ ràng: một dự án có thể được chấp thuận nếu đáp ứng đầy đủ thủ tục và hoàn thành ĐTM, dù về dài hạn, điều này làm gia tăng cường độ phát thải của nền kinh tế.

Trong khi đó, nhiều hệ thống pháp luật đã chuyển từ mô hình hậu kiểm sang mô hình tiền kiểm cấu trúc, trong đó tính tương thích khí hậu được đặt ở cấp độ nguyên tắc, chi phối toàn bộ các quyết định phát triển. Đạo luật Khí hậu châu Âu yêu cầu mọi chính sách và biện pháp của EU phải phù hợp với quỹ đạo giảm phát thải đã được xác lập. So với cách tiếp cận này, Luật Đầu tư năm 2025 vẫn phản ánh mô hình tăng trưởng truyền thống, trong đó tự do đầu tư và thu hút vốn giữ vị trí trung tâm. Sự đồng thời tồn tại của hai hệ giá trị - tự do đầu tư và phát triển phát thải thấp - nhưng thiếu cơ chế cân bằng pháp lý khiến giá trị tăng trưởng có xu hướng lấn át giá trị môi trường. Khi tiêu chí tương thích khí hậu không được luật hóa như một nghĩa vụ ràng buộc, chuyển đổi xanh tiếp tục phụ thuộc vào chính sách điều hành thay vì được bảo đảm bởi một cấu trúc pháp lý ổn định.

3.3. Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và khoảng trống ngân sách xanh

Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định tại Điều 8 các nguyên tắc quản lý ngân sách, bao gồm công khai, minh bạch và bảo đảm hiệu quả. Tuy nhiên, luật không đặt ra nghĩa vụ đánh giá tác động khí hậu đối với dự án đầu tư công hoặc chương trình chi tiêu lớn. Điều 12 về nhiệm vụ chi ngân sách không phân loại chi tiêu theo tiêu chí môi trường hoặc phát thải.

Trong bối cảnh quốc tế, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (*Organization for Economic Co-operation and Development*, OECD) đã đưa ra sáng kiến và phát triển khung ngân sách xanh (*green budgeting*) nhằm tích hợp mục tiêu khí hậu vào quy trình ngân sách. Theo đó, mọi quyết định chi tiêu công cần được đánh giá về mức độ đóng góp hoặc tác động tiêu cực đến mục tiêu phát thải thấp.[28] So với chuẩn mực này, pháp luật ngân sách của Việt Nam chưa thiết lập cơ chế điều phối tương tự. Khoảng trống này có hệ quả cấu trúc rõ rệt. Ngân sách nhà nước có thể đồng thời tài trợ cho dự án năng lượng tái tạo và dự án hạ tầng phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch mà không có nghĩa vụ pháp lý phải chứng minh sự tương thích khí hậu. Sự thiếu gắn kết giữa chiến lược

28 Yunpeng Sun, Asif Razzaq, "Composite fiscal decentralisation and green innovation: Imperative strategy for institutional reforms and sustainable development in OECD countries," *Sustainable Development*, Vol. 30(5), tr. 944-957, https://doi.org/10.1002/sd.2292

tăng trưởng xanh và kỹ thuật lập ngân sách làm suy giảm tính nhất quán chuẩn tắc trong hệ thống pháp luật.

Từ góc độ pháp luật kiến tạo, điều phối tài khóa là một trụ cột quan trọng. Khi luật ngân sách không phản ánh mục tiêu phát thải thấp, pháp luật Việt Nam khó có thể định hình lại cấu trúc phân bổ nguồn lực của nền kinh tế.

3.4. Nghĩa vụ công bố thông tin và trách nhiệm doanh nghiệp

Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn như Thông tư 96/2020/TT-BTC quy định nghiêm ngặt nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng nhằm bảo đảm tính minh bạch. Tuy nhiên, nội dung công bố chủ yếu tập trung vào thông tin tài chính và quản trị, trong khi nghĩa vụ công bố rủi ro khí hậu và tác động môi trường chưa được thiết kế như một chuẩn mực bắt buộc mang tính hệ thống. Trong khi đó, Chỉ thị 2022/2464 về Báo cáo phát triển bền vững doanh nghiệp của EU yêu cầu các doanh nghiệp lớn phải công bố chi tiết chiến lược chuyển đổi khí hậu và mức độ tương thích với mục tiêu trung hòa carbon. Các nghiên cứu học thuật quốc tế (đối với doanh nghiệp tại châu Âu,[29] tại Mỹ,[30] hay tại Trung Quốc)[31] đều khẳng định rằng công bố thông tin bền vững là điều kiện tiên quyết để thị trường vốn điều chỉnh hành vi doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, sự thiếu vắng nghĩa vụ công bố các tiêu chí môi trường, xã hội và quản trị (*Environmental, Social, and Governance*, ESG) và báo cáo bền vững bắt buộc làm suy giảm khả năng giám sát của thị trường và xã hội.[32] Bên cạnh đó, kiểm toán môi trường chưa được thiết chế hóa mạnh mẽ như một nội dung bắt buộc trong chương trình đầu tư công lớn. Cấu trúc trách nhiệm hiện nay mang tính phân tán và phụ thuộc nhiều vào công tác quản lý hành chính. Khi nghĩa vụ minh bạch chưa đủ mạnh, giá trị môi trường khó trở thành tiêu chí chi phối hành vi của thị trường.

Tóm lại, hệ thống pháp luật Việt Nam đã tạo lập các quy định về môi trường tương đối hoàn thiện, nhưng thiếu cơ chế tích hợp chuẩn mực phát thải thấp vào trung tâm của pháp luật kinh tế. Quyền hiến định về môi trường chưa trở thành nguyên tắc điều phối; luật đầu tư chưa xác lập tiêu chí tương thích với khí hậu; luật ngân sách chưa cụ thể hóa việc đánh giá phát thải; và nghĩa vụ minh bạch của doanh nghiệp chưa đủ mạnh để tạo áp lực lên thị trường. Những xung đột cấu trúc này cho thấy giới hạn của tính kiến tạo trong pháp luật Việt Nam hiện hành. Khi môi trường chưa được thiết kế như một tiêu chí hợp pháp xuyên ngành, chuyển đổi xanh khó có thể đạt được tính bền vững của thể chế. Điều này đặt ra yêu cầu tái cấu trúc pháp luật theo hướng tích hợp và nhất quán chuẩn tắc, sẽ được phân tích trong phần tiếp theo.

4. Tái cấu trúc pháp luật Việt Nam theo hướng kiến tạo, tích hợp chuẩn mực

4.1. Chuẩn mực điều phối và yêu cầu tái cấu trúc hệ thống

Trong lý luận pháp luật hiện đại, một hệ thống pháp luật chỉ có thể vận hành ổn định khi tồn tại nguyên tắc điều phối ở tầng nền tảng, cho phép cân bằng các hệ giá trị khác nhau. Ở Việt Nam, quyền môi trường được ghi nhận tại Điều 43 Hiến pháp năm 2013, nhưng chưa được phát triển thành nguyên tắc điều phối các ngành luật kinh tế.

29 Amina Buallay, "Is sustainability reporting (ESG) associated with performance? Evidence from the European banking sector" *Management of Environmental Quality: An International Journal,* Vol. 30(01), 2018, tr. 98-115, social and governance (ESG https://doi.org/10.1108/MEQ-12-2017-014

30 Hans B. Christensen et al., "Mandatory CSR and sustainability reporting: Economic analysis and literature review", *Review of Accounting Studies*, Springer, Vol. 26(3), tr. 1176-1248, https://doi.org/10.1007/s11142-021-09609-5

31 Jia Meng, ZhongXiang Zhang, "Corporate environmental information disclosure and investor response: Evidence from China's capital market," Energy Economics, Vol. 108(105886), 2022, https://doi.org/10.1016/j.eneco.2022.105886

32 Samuel Buertey et al., "Sustainability reporting awards and market reaction: The sustainability awareness of investors on the Vietnam stock market", *Corporate Social Responsibility and Environmental Management,* Vol. 32(03), 2025, tr. 3423–37, https://doi.org/10.1002/csr.3135

Điều này dẫn đến việc quyền môi trường tồn tại song song với nguyên tắc tự do kinh doanh (Điều 33 Hiến pháp) mà thiếu cơ chế cân bằng chuẩn mực.

Tái cấu trúc pháp luật kiến tạo không đòi hỏi sửa đổi Hiến pháp, nhưng đòi hỏi phát triển học thuyết giải thích theo hướng coi mục tiêu phát triển phát thải thấp là một biểu hiện cụ thể của nghĩa vụ bảo vệ môi trường mang tính liên thế hệ. Muốn đạt được mục tiêu trên cần phát triển học thuyết về giải thích Hiến pháp và áp dụng trong thực tiễn tư pháp. Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi 2025) đã có quy định tại Điều 14: "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật"; tuy nhiên, trên thực tiễn thì cơ chế bảo đảm tính hợp hiến của văn bản pháp luật cũng như cơ chế để người dân viện dẫn trực tiếp Hiến pháp để bảo vệ quyền và lợi ích hiến định của mình chưa cụ thể, rõ ràng,[33] và rất hiếm có trường hợp Tòa án viện dẫn Hiến pháp khi giải quyết vụ việc dân sự.[34] Cần hướng đến việc giải thích và áp dụng trực tiếp các nguyên tắc, các quyền con người (trong đó có quyền môi trường) trong Hiến pháp, điều mà các nền tư pháp hiến pháp hiện đại đã thực hiện.[35]

Khi đó, quyền môi trường không chỉ là quyền thụ hưởng, mà còn là chuẩn mực đánh giá tính pháp lý của quyết định phân bổ nguồn lực. Về mặt kỹ thuật lập pháp, điều này đòi hỏi luật kinh tế phải viện dẫn trực tiếp mục tiêu phát thải thấp như một tiêu chí hợp pháp. Nếu không, hệ thống tiếp tục vận hành trong trạng thái phân mảnh chuẩn mực.

4.2. Thiết lập tiêu chí tương thích khí hậu trong quyết định đầu tư

Luật Đầu tư năm 2025 quy định cấu trúc quyết định đầu tư dựa trên danh mục ngành nghề và các điều kiện, thủ tục (Điều 6, Điều 7, Điều 30-32). Môi trường chỉ xuất hiện như điều kiện tuân thủ thông qua cơ chế ĐTM theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Cấu trúc này phản ánh mô hình phát triển truyền thống khi xem môi trường là yếu tố kiểm soát rủi ro, không phải là tiêu chí tiền đề của phát triển.

Tái cấu trúc pháp luật kiến tạo đòi hỏi bổ sung một nguyên tắc tại phần đầu của Luật Đầu tư, quy định rằng việc chấp thuận chủ trương đầu tư phải bảo đảm phù hợp với lộ trình trung hòa carbon và chiến lược phát triển phát thải thấp của Việt Nam. Về mặt lý luận, đây không phải là việc bổ sung điều kiện hành chính mới, mà là việc xác lập tiêu chí pháp lý trong cấu trúc của quyết định đầu tư. Sự thay đổi này có ý nghĩa căn bản, chuyển trọng tâm từ đầu tư hợp lệ về thủ tục sang đầu tư tương thích về quỹ đạo phát triển. Khi tiêu chí phát thải thấp trở thành điều kiện pháp lý, nhà đầu tư và cơ quan nhà nước phải chứng minh tính tương thích với khí hậu trong các quyết định của mình. Đây chính là điểm khác biệt giữa pháp luật điều chỉnh và pháp luật kiến tạo.

4.3. Cụ thể hóa đánh giá khí hậu trong luật tài khóa

Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 chưa đặt ra nghĩa vụ đánh giá tác động khí hậu đối với dự án đầu tư công. Điều này tạo ra khoảng trống cấu trúc, vì ngân sách là công cụ phân bổ nguồn lực lớn nhất của Nhà nước. Nếu luật đầu tư được sửa đổi nhưng luật ngân sách vẫn trung lập về khí hậu, sự tích hợp các chuẩn mực sẽ không trọn vẹn.

---

33 Van Dai Do, "Les droits et libertés fondamentaux de valeur constitutionnelle en matière civile en France et au Vietnam", in *Droits fondamentaux et Constitutions sous le regard universel des docteurs en droit*, LGDJ, 2022 [trans: Van Dai Do, "Fundamental rights and freedoms of constitutional value in civil matters in France and Vietnam", in *Fundamental rights and Constitutions under the universal gaze of doctors of law,* LGDJ, 2022], tr. 165, 166.

34 Đỗ Văn Đại, "Hiến pháp năm 2013 - Nguồn của pháp luật dân sự", *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 02(174), 2024, tr. 85-86, https://doi.org/10.70236/tckhplvn.63

35 Aharon Barak, *Proportionality: Constitutional Rights and their Limitation* (1st edition), Cambridge University Press, 2012.

Do đó, tái cấu trúc phải diễn ra đồng thời ở cả tầng tài khóa. Việc bổ sung nghĩa vụ đánh giá tác động phát thải vào hồ sơ dự toán và quyết toán ngân sách sẽ thiết lập mối liên hệ trực tiếp giữa mục tiêu chiến lược và phân bổ tài chính. Từ góc độ pháp lý, đây là sự mở rộng của nguyên tắc hiệu quả (Điều 8 Luật Ngân sách năm 2025) theo nghĩa hiệu quả dài hạn, bao gồm cả chi phí carbon. Quan trọng hơn, nghĩa vụ này sẽ tạo ra cơ sở kiểm soát tư pháp và giám sát lập pháp. Khi tương thích khí hậu trở thành tiêu chí pháp lý, quyết định chi tiêu công có thể bị chất vấn nếu làm gia tăng phát thải trái với lộ trình quốc gia.

4.4. Tăng cường trách nhiệm thông qua minh bạch và kiểm toán

Pháp luật kiến tạo không thể vận hành nếu thiếu cơ chế trách nhiệm. Luật Chứng khoán năm 2019 và các quy định về công bố thông tin hiện chưa thiết lập nghĩa vụ công bố rủi ro khí hậu ở mức bắt buộc toàn diện. Trong khi đó, xu hướng quốc tế cho thấy minh bạch ESG là cơ chế điều chỉnh thị trường hiệu quả hơn nhiều so với các biện pháp hành chính thuần túy.

Về mặt cấu trúc, nghĩa vụ công bố thông tin bền vững sẽ chuyển trách nhiệm về khí hậu từ quan hệ giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý sang quan hệ giữa doanh nghiệp và thị trường. Khi nhà đầu tư có thông tin về mức độ phát thải và chiến lược chuyển đổi, chi phí vốn sẽ phản ánh rủi ro khí hậu. Pháp luật, do đó, định hình cấu trúc khuyến khích thông qua tính minh bạch. Song song với đó, cần thiết lập kiểm toán môi trường như một nội dung bắt buộc đối với các chương trình đầu tư công quy mô lớn. Kiểm toán không chỉ là công cụ tài chính, mà còn là cơ chế bảo đảm tính trung thực của quyết định phát triển trong dài hạn.

Tóm lại, mô hình pháp luật kiến tạo chuyển đổi xanh nhằm tái cấu trúc quan hệ giữa các lĩnh vực pháp luật. Khi tiêu chí tương thích khí hậu được tích hợp vào luật đầu tư và luật ngân sách, khi minh bạch ESG trở thành nghĩa vụ pháp lý và khi quyền môi trường được phát triển thành nguyên tắc điều phối, hệ thống pháp luật Việt Nam sẽ đạt được tính nhất quán chuẩn tắc. Sự thay đổi này không đơn thuần là cải cách kỹ thuật, mà là điều chỉnh thứ bậc giá trị trong trật tự pháp lý. Môi trường từ vị trí ngoại vi sẽ trở thành nguyên tắc tổ chức của phát triển kinh tế. Chỉ trong điều kiện đó, chuyển đổi xanh hướng tới nền kinh tế xanh mới có thể vượt qua giới hạn của khẩu hiệu chính sách và trở thành một cấu trúc pháp lý bền vững.

Kết luận

Kinh tế xanh, xét từ phương diện pháp lý, không chỉ là một định hướng phát triển, mà còn là yêu cầu tái cấu trúc hệ thống pháp luật điều chỉnh phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế. Phân tích cho thấy, dù Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc hoàn thiện pháp luật môi trường và xác lập cam kết khí hậu, mục tiêu phát thải thấp vẫn chưa được nội tại hóa như một tiêu chí pháp lý chi phối các quyết định đầu tư, tài khóa và vận hành thị trường. Sự phân tách giữa luật môi trường và luật kinh tế phản ánh tình trạng thiếu tính nhất quán chuẩn tắc trong hệ thống pháp luật, qua đó hạn chế năng lực điều phối của pháp luật đối với tiến trình xây dựng nền kinh tế xanh tại Việt Nam. Vấn đề đặt ra, vì vậy, không chỉ là mở rộng phạm vi điều chỉnh của pháp luật môi trường mà còn là tái cấu trúc pháp luật kinh tế theo hướng tích hợp các chuẩn mực phát thải thấp như một nguyên tắc điều phối xuyên ngành. Chỉ khi tiêu chí tương thích khí hậu trở thành yếu tố cấu thành tính hợp pháp của lựa chọn phát triển, pháp luật mới thực sự giữ vai trò kiến tạo đối với nền kinh tế xanh. ●

Tài liệu tham khảo

[1] Andreja Primec and Jernej Belak, "Sustainable CSR: Legal and managerial demands of the new EU legislation (CSRD) for the future corporate governance practices", Sustainability, Vol. 14(24), 2022, https://doi.org/10.3390/su142416648

[2] Aharon Barak, Proportionality: Constitutional Rights and their Limitation (1st edition), Cambridge University Press, 2012

[3] Amina Buallay, "Is sustainability reporting (ESG) associated with performance? Evidence from the European banking sector" Management of Environmental Quality: An International Journal, Vol. 30(01), 2018, https://doi.org/10.1108/MEQ-12-2017-0149

[4] Hans B. Christensen et al., "Mandatory CSR and Sustainability Reporting: Economic Analysis and Literature Review", Review of Accounting Studies, Springer, vol. 26(3), https://doi.org/10.1007/s11142-021-09609-5

[5] Đỗ Văn Đại, "Hiến pháp năm 2013 - Nguồn của pháp luật dân sự", Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam, số 02(174)/2024.

[6] Federica Tonnarello et al., "The impact of EU taxonomy for sustainable activities on European utilities' performance", Business Strategy and the Environment, Vol. 34(03), 2025, tr. 2848-62, https://doi.org/10.1002/bse.4128

[7] Franziska Schütze, Jan Stede, "The EU sustainable finance taxonomy and its contribution to climate neutrality", Journal of Sustainable Finance & Investment, Vol. 14(01), 2024, tr. 128-60, https://doi.org/10.1080/20430795.2021.2006129

[8] George Lăzăroiu et al., "Environmentally responsible behavior and sustainability policy adoption in green public procurement", Sustainability, Vol. 12(05), 2020, https://doi.org/10.3390/su12052110

[9] Harlan Koff et al., "How green are our laws? Presenting a normative coherence for sustainable development methodology", Environmental Policy and Governance 33, no. 1 (2023): 90–109, https://doi.org/10.1002/eet.1998.

[10] Jae-Hyup Lee, Jisuk Woo, "Green New Deal policy of South Korea: Policy innovation for a sustainability transition", Sustainability, Vol. 12(23):10191, 2020 https://doi.org/10.3390/su122310191

[11] Lý Thành Nhân, Nguyễn Phương Đông, "Thực thi quyền con người được sống trong môi trường trong lành theo pháp luật bảo vệ môi trường", Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 01(185)/2025

[12] Marjan Peeters and Natassa Athanasiadou, "The continued effort sharing approach in EU climate law: Binding targets, challenging enforcement?", Review of European, Comparative & International Environmental Law 29, no. 2 (2020): 201–11, https://doi.org/10.1111/reel.12356

[13] Jia Meng, ZhongXiang Zhang, "Corporate environmental information disclosure and investor response: Evidence from China's capital market," Energy Economics, Vol. 108(105886), 2022, https://doi.org/10.1016/j.eneco.2022.105886

[14] Samuel Buertey et al., "Sustainability reporting awards and market reaction: The sustainability awareness of investors on the Vietnam stock market", Corporate Social Responsibility and Environmental Management, Vol. 32(03), 2025, https://doi.org/10.1002/csr.3135

[15] Jonathan Verschuuren, "The State of the Netherlands v Urgenda Foundation: The Hague Court of Appeal upholds judgment requiring the Netherlands to further reduce its greenhouse gas emissions," Review of European, Comparative & International Environmental Law, Vol. 28(01), 2019, https://doi.org/10.1111/reel.12280

[16] Yunpeng Sun, Asif Razzaq, "Composite fiscal decentralisation and green innovation: Imperative strategy for institutional reforms and sustainable development in OECD countries," Sustainable Development, Vol. 30(5), https://doi.org/10.1002/sd.2292

[17] Van Dai Do, "Les droits et libertés fondamentaux de valeur constitutionnelle en matière civile en France et au Vietnam", in Droits fondamentaux et Constitutions sous le regard universel des docteurs en droit, LGDJ, 2022 [trans: Van Dai Do, "Fundamental rights and freedoms of constitutional value in civil matters in France and Vietnam", in Fundamental rights and Constitutions under the universal gaze of doctors of law, LGDJ, 2022]